

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/KDTM-ST

Ngày: 30/8/2022.

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Được.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Năm;
2. Ông Trần Công Danh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 92/2020/TLST-KDTM, ngày 03/6/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-KDTM, ngày 08/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2022/QĐST-KDTM ngày 08/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV T;

Địa chỉ: 19 đường H, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh Tr-Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh TH, sinh năm 1998. Địa chỉ: 602/51E ĐBP, phường HH, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh. Giấy ủy quyền ngày 04/5/2021. Có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH N;

Địa chỉ: 3/6C, đường HVN, khu phố H, phường L, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Thái S-Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 86, tổ MS, khu phố H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Giấy ủy quyền

ngày 01/8/2020. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH MTV T do ông Phan Thanh TH đại diện trình bày:

Từ tháng 4 đến hết tháng 8/2019, Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty TBT) thực hiện việc bán hàng hóa là sơn cho Công ty TNHH N (sau đây gọi tắt là Công ty N). Việc mua bán không lập hợp đồng mà do giám đốc hai bên gọi điện trao đổi mua bán trực tiếp, khi xuất hàng thì Công ty TBT lập bản kê số lượng, loại sơn và thành tiền, sau đó nhân viên Công ty N đến Công ty TBT nhận hàng, Công ty TBT xuất hóa đơn VAT cho Công ty N số tiền mà Công ty N phải thanh toán cho Công ty TBT là 892.109.258 đồng.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án Công ty TBT xác định số tiền mà Công ty N thanh toán cho Công ty TBT là 305.000.000 đồng, nay tại phiên tòa sau khi kiểm tra số liệu Công ty TBT xác định số tiền mà Công ty N đã thanh toán cho Công ty TBT là 355.000.000 đồng, như vậy số tiền mà Công ty N chưa thanh toán là 537.109.258 đồng.

Do Công ty Tan Lan Vi Na vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty TBT khởi kiện yêu cầu Công ty N thanh toán số nợ gốc là 537.109.258 đồng.

Về tiền lãi: Do các bên không thỏa thuận mức lãi suất chậm trả, nên lãi suất chậm trả được áp dụng theo Điều 306 Luật Thương mại 2005, thời điểm tính lãi suất chậm trả là ngày 25/8/2019 vì ngày cuối cùng mà Công ty N thanh toán nợ cho Công ty TBT là ngày 23/8/2019, ngày cuối cùng mà Công ty TBT xuất hóa đơn VAT cho Công ty N là ngày 24/8/2019. Công ty TBT yêu cầu Công ty N thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 25/8/2019 đến ngày 30/8/2022 là: 537.109.258 đồng X 1101 ngày X (10%/365 ngày) = 162.015.696 đồng.

Tổng cộng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/8/2022 Công ty TBT yêu cầu Công ty TBT khởi kiện yêu cầu Công ty N thanh toán thanh toán là 699.124.954 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH N do ông Nguyễn Văn T đại diện trình bày:

Công ty TBT là công ty sản xuất sơn. Công ty N là công ty thương mại sơn. Công ty TBT bán sơn cho Công ty N từ tháng 4/2019 đến tháng 8/2019. Đối với việc mua bán số lượng sơn cụ thể bao nhiêu và số tiền như thế nào thì ông chưa thống nhất, yêu cầu Công ty TBT cung cấp phiếu giao hàng hoặc phiếu xuất kho chứng minh số lượng hàng thực tế giữa hai bên. Trường hợp không xuất trình được giấy tờ trên thì có căn cứ cho thấy Công ty TBT xuất hóa đơn không, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tại văn bản số 02_20/CV, ngày 10/8/2020 do ông Thuận ký tên và đóng mộc của Công ty N gửi Tòa án trình bày: Theo biên bản họp hội đồng thành viên số 02/2019-BBHĐTV ngày 24/9/2019 của Công ty TNHH T thì Công ty TNHH N không có nghĩa vụ gì với Công ty TBT vì sau khi quyết toán tất cả số tiền phải thu

đã nằm trong số tiền các thành viên rút vốn. Trường hợp Công ty TBT tự đi thu hồi công nợ khách hàng thì phải hủy biên bản họp hội đồng thành viên số 02/2019-BBHDTV ngày 24/9/2019. Nếu Công ty N có phát sinh nợ thì Công ty TBT cử người đại diện cung cấp hợp đồng, phiếu giao hàng, đối chiếu công nợ và tất cả các giấy tờ liên quan đến Công ty N để giải quyết cho rõ ràng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

-Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TBT, buộc Công ty N thanh toán cho Công ty TBT số tiền là nợ gốc là 537.109.258 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử. Về án phí: Công ty N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty TBT khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa; bị đơn Công ty N có địa chỉ tại số 3/6C, đường HVN, khu phố H, phường L, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự.

Công ty TBT khởi kiện Công ty Công ty N yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hoá. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định Công ty TBT là nguyên đơn, Công ty Công ty N là bị đơn. Căn cứ khoản 8, Điều 3 Luật Thương mại năm 2005, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Công ty N có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình làm việc tại Tòa án, đại diện hai Công ty TBT và Công ty Công ty N đều thừa nhận giữa hai công ty có quan hệ mua bán sơn từ tháng 4 đến hết tháng 8/2019, việc mua bán không không lập hợp đồng mà do giám đốc hai bên gọi điện trao đổi mua bán trực tiếp. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh do được các đương sự thừa nhận.

Việc mua bán giữa các bên xác lập một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hai bên cũng đã thực hiện hợp đồng nên có giá trị hiệu lực thi hành giữa các bên.

Theo Công ty TBT thì Công ty TBT đã giao hàng và xuất hóa đơn GTGT cho Công ty N với số tiền mua bán sơn là 892.109.258 đồng, Công ty N đã thanh toán được số tiền là 355.000.000 đồng, lần cuối cùng thanh toán là ngày 23/8/2019, lần cuối Công ty TBT xuất hóa đơn VAT cho Công ty N là ngày 24/8/2019.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bà Trần Thị Hồng Trang là kế toán Công ty TBT đến làm việc, bà Trang có Bản tự khai xác định việc mua bán sơn giữa Công ty TBT và Công ty Tan La Vi Na từ tháng 4/2019 đến tháng 8/2019 là đúng. Việc mua bán không có hợp đồng mà chỉ là trao đổi điện thoại giữa lãnh đạo hai công ty, khi xuất hàng thì Công ty TBT có lập bản kê ghi số lượng, loại sơn mua và thành tiền, sau đó nhân viên Công ty N đến Công ty TBT nhận hàng, Công ty TBT xuất hóa đơn cho Công ty N theo quy định.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã có văn bản gửi Chi cục Thuế khu vực Biên Hòa -Vĩnh Cửu đề nghị cung cấp thông tin liên quan đến việc mua bán hàng hóa, xuất hóa đơn giữa Công ty TBT và Công ty N. Chi cục Thuế đã có Thông báo số 12842/TB-CCT.KV-KT1 gửi Công ty Tan Lan Vi Na yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin tài liệu. Quá trình làm việc tại cơ quan thuế, Công ty N cung cấp các Bảng kê, hóa đơn giá trị gia tăng, ủy nhiệm chi, bảng kê giao dịch (có đóng mộc đỏ xác nhận của Công ty N) thể hiện việc giao dịch mua bán, giao nhận tiền giữa Công ty TBT và Công ty N phù hợp với chứng cứ, tài liệu mà Công ty TBT khởi kiện, cung cấp cho Tòa án.

Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TBT, buộc Công ty N phải thanh toán cho Công ty TBT số tiền mua hàng còn thiếu là 537.109.258 đồng.

Về tiền lãi: Công ty TBT yêu cầu Công ty N thanh toán tiền lãi tính từ ngày 25/8/2019 đến ngày 30/8/2022 là 537.109.258 đồng X 1101 ngày X (10%/365 ngày) =162.015.696 đồng.

Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán, như sau: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*.

Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì việc xác định lãi suất trung bình quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005, như sau: *“Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm)*

để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Ngày 13/7/2022, Tòa án có văn bản gửi Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam để xác minh về mức lãi suất nợ quá hạn.

Văn bản số 883/NHNo.ĐN-KTNQ, ngày 18/7/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-chi nhánh Đồng Nai cho biết lãi suất cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh từ 6 tháng trở lên ngắn hạn là 7%/năm, trung và dài hạn là 8,5%/năm, lãi suất đối với nợ gốc trong hạn.

Văn bản số 1169/CNĐNA-TH, ngày 20/7/2022 của Ngân hàng Công thương Việt Nam-chi nhánh Đồng Nai cho biết lãi suất ngắn hạn trong hạn đối với tiền Việt Nam là 9-10,5%/năm, trung dài hạn là 10-11,5%/năm, lãi suất quá hạn tối đa 50% lãi suất trong hạn.

Văn bản số 340/VCB.DON-KT, ngày 15/7/2022 của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam-chi nhánh Đồng Nai cho biết lãi suất đối với khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa ngắn hạn tối thiểu 7,5%/năm, lãi suất trung dài hạn tối thiểu 10,2%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Như vậy, đối với lãi suất chậm trả mà Công ty TBT yêu cầu Công ty N thanh toán tính từ ngày 25/8/2019 đến ngày 30/8/2022 là 537.109.258 đồng (số tiền chậm trả) x 1101 ngày (số ngày chậm trả) x 10%/365 (lãi suất) = 162.015.696 đồng là thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trên địa bàn thành phố Biên Hòa nơi Tòa án xét xử tại thời điểm xét xử, đây là quyền định đoạt của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn, nên có căn cứ buộc Công ty N phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán là 162.015.696 đồng cho Công ty TBT.

Quá trình giải quyết vụ án, việc người đại diện Công ty N cho rằng biên bản họp hội đồng thành viên số 02/2019-BBHĐTV ngày 24/9/2019 của Công ty TNHH T thì Công ty TNHH N không có nghĩa vụ gì với Công ty TBT vì sau khi quyết toán tất cả số tiền phải thu đã nằm trong số tiền các thành viên rút vốn. Trường hợp Công ty TBT tự đi thu hồi công nợ khách hàng thì phải hủy biên bản họp hội đồng thành viên số 02/2019-BBHĐTV ngày 24/9/2019. Đây là quan hệ nội bộ giữa các thành viên góp vốn của Công ty TBT không liên quan đến tranh chấp giải quyết trong vụ án này; vụ án này được thụ lý giải quyết là trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TBT, trường hợp thành viên của Công ty TBT có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền là [20.000.000 đồng +(4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng)]= 20.000.000 đồng +11.964.998 đồng = 31.964.998 đồng.

Hoàn trả cho Công ty TBT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.408.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 3, Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại 2005;

-Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với Công ty TNHH N.

Buộc Công ty TNHH N phải thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền là 699.124.954 (sáu trăm chín mươi chín triệu một trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi bốn) đồng, trong đó nợ gốc là 537.109.258 (năm trăm ba mươi bảy triệu một trăm linh chín nghìn hai trăm năm mươi tám) đồng, nợ lãi chậm thanh toán tính từ ngày 25/8/2019 đến hết ngày 30/8/2022 là 162.015.696 (một trăm sáu mươi hai triệu không trăm mười lăm nghìn sáu trăm chín mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

-Công ty TNHH N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 31.964.998 (ba mươi một triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn chín trăm chín mươi tám) đồng.

-Hoàn trả cho Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.408.000 (mười bốn triệu bốn trăm lẻ tám nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số 0009207, ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty TNHH T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Được